TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2024/KDTM-PT
Ngày: 12/3/2024
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Chinh

Bà Vũ Thị Hường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thúy Ngân và bà Hồ Thị Kim Oanh– Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 2 và ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2023/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3547/2023/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành Phố T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 511/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Trụ sở: 89 LH, phường L, quận D, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Quốc V, ông Nguyễn Thành T, theo Văn bản ủy quyền số 0307/2024/UQN-PGĐ ngày 14/01/2024 (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA

Địa chỉ: Số 30 đường số 12A, khu phố 5, khu D , phường AP, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N – Địa chỉ liên hệ: Số 56 đường 66 TG, phường TĐ, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh - là Người đại diện theo pháp luật (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N – Địa chỉ liên hệ: Số 56 đường 66 TG, phường TĐ, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

* Nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V trình bày: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA (gọi là "Công ty TA") đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (gọi là "Ngân hàng") theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 21/11/2018, hạn mức cho vay 500.000.000đồng, thời hạn 60 tháng, lãi suất trong hạn 28%/năm, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, cụ thể thương mại bột đá. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên Công ty TA đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán vào ngày 20/02/2022. Khoản tín dụng Ngân hàng cấp cho Công ty TA không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm, có được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Nguyễn Thị N theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/0141/HDBL-47 ngày 22/11/2018. Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TA đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc nhưng Công ty TA cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TA phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày tính đến ngày 08/9/2023 số tiền nợ gốc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 498.473.301đồng, tiền lãi trong hạn là 26.221.061 đồng, tiền lãi quá hạn là 341.529.323 đồng, tổng cộng tính đến ngày 08/9/2023 là 847.213.415 đồng. Công ty TA vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng; trường hợp Công ty TA không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì bà N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 3547/2023/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 *của Toà án nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA về việc: Buộc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm mã khách hàng 3375021 là 498.473.301đ (Bốn trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm lẻ một đồng), tính đến ngày 08/9/2023 tiền lãi trong hạn là 26.221.061đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm hai mươi mốt ngàn không trăm sáu mươi mốt đồng), tiền lãi quá hạn là 341.529.323đ (Ba trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm hai mươi chín ngàn ba trăm hai mươi ba đồng), tổng cộng là 847.213.415đ (Tám trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm mười ba ngàn bốn trăm

mười lăm đồng) và buộc bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/0141/HDBL-47 ngày 22/11/2018 trong trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA không thanh toán toàn bộ khoản vay.

2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng TMCP V phải nộp án phí là 37.416.402đ (Ba mươi bảy triệu bốn trăm mười sáu ngàn bốn trăm lẻ hai đồng), được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.299.354đ (Mười bốn triệu hai trăm chín mươi chín ngàn ba trăm năm mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0006637 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng TMCP V còn phải nộp 23.117.048đ (Hai mươi ba triệu một trăm mười bảy ngàn không trăm bốn mươi tám đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm cũng xác định quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2023, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Buộc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm mã khách hàng 3375021 là 498.473.301đ (Bốn trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm lẻ một đồng), tính đến ngày 08/9/2023 tiền lãi trong hạn là 26.221.061đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm hai mươi mốt ngàn không trăm sáu mươi mốt đồng), tiền lãi quá hạn là 341.529.323đ (Ba trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm hai mươi chín ngàn ba trăm hai mươi ba đồng), tổng cộng là 847.213.415đ (Tám trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm mười ba ngàn bốn trăm mười lăm đồng) và buộc bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/0141/HDBL-47 ngày 22/11/2018 trong trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA không thanh toán toàn bộ khoản vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định nên hợp lệ.

+ Về nội dung kháng cáo: kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Buộc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm mã khách hàng 3375021 là 498.473.301đ (Bốn trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm lẻ một đồng), tính đến ngày 08/9/2023 tiền lãi trong hạn là 26.221.061 (Hai mươi sáu triệu hai trăm hai mươi mốt ngàn không trăm sáu mươi mốt đồng), tiền lãi quá hạn là 341.529.323 (Ba trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm hai mươi chín ngàn ba trăm hai mươi ba đồng), tổng cộng là 847.213.415 (Tám trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm mười ba ngàn bốn trăm mười lăm đồng) và buộc bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/0141/HDBL-47 ngày 22/11/2018 trong trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA không thanh toán toàn bộ khoản vay.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về hình thức của đơn kháng cáo: Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Về nội dung kháng cáo:

[1.2.1] Xét giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) ngày 22/11/2018 giữa ngân hàng và Công ty TA và hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/14/HDBL-47 ngày 22/11/2018 giữa ngân hàng và bà Nguyễn Thị N là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 401 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, bổ sung năm 2017 nên có giá trị thi hành.

[1.2.2] Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm cho Công ty TA với hạn mức 500.000.000 đồng, bao gồm: 01 thẻ chính có số thẻ là 5590731502386738 do bà Nguyễn Thị N đứng tên chủ thẻ, 01 thẻ phụ có số thẻ là 5590731502364180 do bà Nguyễn Thị H đứng tên, 01 thẻ phụ có số thẻ là 5590731502404671 do ông Nguyễn Phương N đứng tên. Mặc dù bà Ngân, bà H, ông N đứng tên chủ thẻ nhưng tất cả thẻ tín dụng trên là do Ngân hàng phát hành cho Công ty TA dựa trên giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 22/11/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cung cấp bảng sao kê thẻ tín dụng, bản sao các email gửi sao kê thẻ tín dụng đến địa chỉ email abc@gmail.com, địa chỉ email def@gmail.com và trích sao các tin nhắn SMS gửi đến số điện thoại 0908.xxx.xxx mà Công ty TA đã cung cấp.

Căn cứ bảng sao kê thẻ tín dụng của Công ty TA tại Ngân hàng đối với các thẻ tín dụng nói trên, được phát hành theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 22/11/2018 Công ty TA sử dụng thường xuyên và tối đa hạn mức thẻ tín dụng trong mỗi kỳ sao kê.

Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 6 của điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ của ngân hàng.

Khoản 1. Hàng tháng bên ngân hàng sẽ gửi sao kê cho khách hàng thông qua hình thức điện tử email.

Khoản 2. Khách hàng có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho ngân hàng toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi, phí và phạt phát sinh thể hiện trên sao kê theo quy định.

Khoản 4. Khách hàng phải thông báo cho bên Ngân hàng bằng văn bản hoặc thông qua tổng đài Chăm sóc khách hàng cho bên ngân hàng khiếu nại, yêu cầu tra soát của mình liên quan đến các giao dịch thẻ trong thời hạn quy định của Điều kiện giao dịch chung này và quy định của V từng thời kỳ.

Việc sử dụng và kích hoạt thẻ chỉ có đại diện Công ty TA mới có thể sử dụng được các thông tin bảo mật nội bộ của doanh nghiệp là số điện thoại, địa chỉ email mà Công ty đã đăng ký trước đó với Ngân hàng để kích hoạt và sử dụng được thẻ. Thẻ tín dụng ngân hàng phát hành cho Công ty TA từ năm 2018, căn cứ bảng sao kê chi tiết việc sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng của Công ty TA có cơ sở xác định Công ty TA đã sử dụng thẻ và phát sinh dư nợ phải thanh toán. Cụ thể từ năm 2018 đến năm 2022 vẫn thanh toán dư nợ gốc lãi theo thông báo của ngân hàng mà không có bất kỳ khiếu nại nào. Từ tháng 02/2022, Công ty không thanh toán nên có dư nợ và phát sinh nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng. Do đó, Công ty TA có trách nhiệm thanh toán khoản dư nợ thẻ tín dụng và lãi phát sinh của thẻ tín dụng tại Ngân hàng. Trường hợp Công ty TA không thực hiện nghĩa vụ thì bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

[1.2.2] Xét yêu cầu của ngân hàng buộc Công ty TA trả lãi: Lãi suất được đưa ra trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm được quy định tại Khoản 5 Điểm A của hợp đồng, là lãi suất được điều chỉnh theo quy định lãi suất áp dụng đối với sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng vừa và nhỏ được áp dụng theo công văn số 795/2018 ngày 28/9/2018, 28%/năm. Ngân hàng yêu cầu Công ty TA trả tiền lãi trong hạn là 26.221.061 đồng, tiền lãi quá hạn là 341.529.323 đồng là phù hợp thỏa thuận hai bên và quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP quy định về mức lãi, phạt chậm trả đối với các hợp đồng tín dụng được xác lập kể từ ngày 01/01/2017.

[1.2.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Nguyễn Thị N thực hiện trách nhiệm bảo lãnh trả toàn bộ khoản vay cho Công ty TA trong trường hợp Công ty TA không trả, Hội đồng xét xử nhận định:

Điều 2 Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/0141/HĐBL-47 ngày 22/11/2018 hai bên thỏa thuận: bà N có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh là Công ty TA thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TA đối với ngân hàng vô điều kiện và không hủy ngang khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Nguyễn Thị N thực hiện trách nhiệm bảo lãnh trả toàn bộ khoản vay cho Công ty TA trong trường hợp Công ty TA không trả là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 335, Điều 338, khoản 1 Điều 342 Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cung cấp chứng cứ mới là bảng sao kê thể hiện số thẻ mà Công ty TA đã sử dụng và đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, sửa bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm không có lỗi.

[2] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền án phí tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 và 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 3547/2023/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành Phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V:

1.1. Buộc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị kiêm hợp

đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm mã khách hàng 3375021 là 498.473.301 đồng (Bốn trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm lẻ một đồng), tính đến ngày 08/9/2023 tiền lãi trong hạn là 26.221.061 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm hai mươi mốt ngàn không trăm sáu mươi mốt đồng), tiền lãi quá hạn là 341.529.323 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm hai mươi chín ngàn ba trăm hai mươi ba đồng), tổng cộng là 847.213.415 đồng (Tám trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm mười ba ngàn bốn trăm mười lăm đồng).

1.2 Kể từ ngày 09/9/2023 Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm mã khách hàng 3375021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm mã khách hàng 3375021 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay nên lãi suất mà Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3 Trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA không thanh toán thì bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nói trên của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/0141/HDBL-47 ngày 22/11/2018 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TA chịu 37.416.402 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.299.354 đồng theo Biên lai thu số AA/2022/0006637 ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2023/004698 ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- TAND TP.T;
- Cục THADS TP HCM;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Phúc Hảo